

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 - CÀ MAU *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày 27 – 02 – 2026

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1
- Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1992, số Căn cước công dân: 096192004682 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm D, Phường A, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm 1990, số Căn cước công dân: 096090013349.(vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số B, đường T, khóm C, Phường L, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trình bày của bà Lê Thị Cẩm N trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, bà và ông Trương Văn C đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/10/2020 tại Ủy ban nhân dân H, thành phố C, nay là Ủy ban nhân dân Phường L, tỉnh Cà Mau, số Giấy chứng nhận kết hôn 146. Trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do ông C có người phụ nữ khác, không chăm lo cho vợ, con. Vợ chồng đã ly thân nhau khoảng 03 tháng nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung, bà và ông C có 01 con chung tên là Trương Khả N1, sinh ngày 06/01/2021, hiện nay con đang sống chung với bà.

Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con khi ly hôn, ông C cấp dưỡng nuôi con số tiền 6.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, bà N thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Đối với ông Trương Văn C đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm N, nhưng đến nay ông C vẫn không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bị đơn là ông Trương Văn C đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Cẩm N, xét thấy, bà N và ông Trương Văn C đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/10/2020 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nay là Ủy ban nhân dân Phường L, tỉnh Cà Mau, nên hôn nhân được xác định là hợp pháp. Bà N cho rằng, vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng do ông C có người phụ nữ khác, không chăm lo cho vợ, con, vợ chồng đã ly thân nhau khoảng 03 tháng nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Còn ông C đã biết bà N yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến và các tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận trình bày của bà N, xác định hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã ly thân nhau, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà N ly hôn với ông C.

[4] Về con chung, bà N và ông C có một con chung tên là Trương Khả N1, sinh ngày 06/01/2021, hiện nay con đang sống chung với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu tiếp tục được nuôi con. Xét thấy, hiện nay bà N đủ điều kiện nuôi con, con còn nhỏ cần được mẹ trực tiếp chăm sóc, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà N nuôi.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, xét thấy, ông C không trực tiếp nuôi con thì phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà N yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà N thay đổi ý kiến, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền

2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng mà bà N yêu cầu là tự nguyện, phù hợp với thực tế nhu cầu thiết yếu của các con, phù hợp với quy định tại Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, bà N xác định không có, còn ông C không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và không gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên chấp nhận ý kiến của bà N.

[6] Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, **227, 228** của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Cẩm N ly hôn với ông Trương Văn C.

2/ Về con chung: Buộc ông Trương Văn C giao con chung tên là Trương Khả N1, sinh ngày 06/01/2021 cho bà Lê Thị Cẩm N trực tiếp nuôi. Ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông C không thực hiện cấp dưỡng nuôi con như đã nêu trên, thì kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông C còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà N phải nộp. Ngày 24 tháng 11 năm 2025, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0005190 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ, bà N đã nộp đủ.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, ông C phải nộp (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 – Cà Mau;
- UBND Phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh